

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

LƯƠNG THỊ TÂM UYÊN\*

Ngày nhận bài: 02/11/2016; ngày sửa chữa: 04/11/2016; ngày duyệt đăng: 17/11/2016.

**Abstract:** Scientific research of students recently has been promoted in universities. Yet, quality of these researches is far from expectation as many students are not active in studying, application of researches is limited, costing students money and time by insufficiency. Therefore, improving quality of student's scientific researches towards application is required. In this article, author proposes solutions with aim to promote scientific research of students both in quantity and quality.

**Keywords:** Student's scientific research, university, improving quality.

## 1. Một số vấn đề về nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên (SV) đại học (ĐH)

**1.1.** Để chủ động đổi mới và hội nhập quốc tế, phát huy vai trò hàng đầu hoạt động NCKH trong định hướng chiến lược phát triển giáo dục ĐH Việt Nam, các trường ĐH đã, đang là trung tâm đào tạo nhân lực trình độ cao cũng như nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ hiện đại. Giáo dục ĐH thêm chức năng trang bị cho SV phương pháp nghiên cứu, phát triển năng lực chính mình, thích ứng được với một xã hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng NCKH cho SV là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo của các trường ĐH.

Nhiệm vụ NCKH của trường ĐH đã được quy định tại mục 4, Điều 54, *Điều lệ trường ĐH* năm 2013, trong đó, trường ĐH có nhiệm vụ "Tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; chuyển giao kết quả NCKH và phát triển công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống"; Mục 2, Điều 39, **Luật Giáo dục ĐH** năm 2012: "Hình thành và phát triển năng lực NCKH cho người học; phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao".

Tuy nhiên, SV chưa nhận thức được những lợi ích từ NCKH mà SV đạt được khi phải chi phí bằng những lợi thế tiềm năng của mình để thực hiện nghiên cứu trong thời đại bùng nổ thông tin dữ dội như hiện nay. Tỷ lệ SV NCKH vẫn còn thấp, chất lượng nhiều đề tài chưa cao, chưa bám sát yêu cầu của đời sống. Kinh phí hỗ trợ cho SV NCKH còn thấp, thiếu trang thiết bị, cơ sở vật chất, thiếu cán bộ hướng dẫn, chưa có chính sách động viên và khuyến khích giảng viên (GV) đóng góp tích cực cho NCKH của SV.

**1.2.** Để thấy hết sự cần thiết của NCKH trong SV ĐH trong giai đoạn hiện nay, cần xác định được hướng tiếp cận đúng đắn về vấn đề này.

Với ý nghĩa ở mức nghiêm ngặt nhất, NCKH là việc đi tìm lời giải thích và thực hiện các dự báo cho các câu hỏi mà khoa học và thực tiễn chưa có đáp án, nhằm góp phần gia tăng tri thức nhân loại. Nếu như vậy, NCKH là công việc chuyên nghiệp của các nhà nghiên cứu chuyên nghiệp ở các chuyên ngành.

Cần phân biệt rõ hai tiêu chí để đánh giá một công trình nghiên cứu: 1) Hoạt động nghiên cứu là quá trình thực hiện nghiên cứu; 2) Kết quả nghiên cứu thể hiện ở mức độ đóng góp cho khoa học, mức độ ứng dụng giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

Mặt khác, theo *Quy chế về NCKH của SV trong các trường ĐH và cao đẳng* (ban hành kèm theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT); Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 của Bộ GD-ĐT về việc ban hành Quy định về hoạt động khoa học của SV trong các cơ sở giáo dục ĐH đã quy định rõ NCKH của SV nhằm đạt ba mục đích: góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; tiếp cận và vận dụng các phương pháp NCKH; giải quyết một số vấn đề khoa học và thực tiễn. Với mục tiêu như vậy thì hoạt động NCKH trong SV ĐH hiện nay gặp khá nhiều bất cập, vì: Mục tiêu đào tạo của bậc ĐH chưa phải là đào tạo ra các nhà nghiên cứu chuyên nghiệp; mục tiêu chính của NCKH ở bậc này là trang bị cho SV các kiến thức, kĩ năng cơ bản về NCKH độc lập để hỗ trợ cho hoạt động học tập và chuẩn bị cho các dự án thật sau khi tốt nghiệp. Hiện nay, đầu tư cho hoạt động NCKH ở các trường ĐH còn rất hạn chế, nhiều nhà trường chưa coi trọng việc tổ chức NCKH trong SV.

Do vậy, các nhà trường cần tổ chức NCKH cho người học (thực hiện từng bước như: định hướng nghiên cứu, chọn tên đề tài, xây dựng đề cương, tổ chức xét

\* Trưởng Đại học Nội vụ Hà Nội

duyet đề cương, giao đề tài cho người học và tổ chức thực hiện đề tài, phương pháp thực hiện, tìm kiếm tài liệu, thu thập thông tin, thí nghiệm, quan sát, phân tích số liệu, thử nghiệm kết quả, viết báo cáo, trình bày báo cáo, nghiệm thu đề tài...). Để đánh giá một cách cơ bản và toàn diện về hoạt động NCKH trong SV, cần tổ chức đổi mới đánh giá hoạt động nghiên cứu của người học.

NCKH trong SV nằm ngay trong hoạt động đào tạo của nhà trường, nhiệm vụ của SV là học tập và NCKH; song SV hiện nay chưa được trang bị tốt phương pháp NCKH.

## **2. Thuận lợi và khó khăn của SV ĐH khi tham gia NCKH**

**2.1. Những thuận lợi cơ bản.** Việc chuyển đổi sang đào tạo theo học chế tín chỉ của các trường ĐH hiện nay đã giúp SV chủ động hơn trong việc bố trí lịch học của mình một cách thuận tiện nhất. Vì vậy, SV có nhiều thời gian hơn so với thời học phổ thông - đây là một yếu tố quan trọng, là tiền đề cho một công trình NCKH khả thi. Điều đó cho thấy, SV có khả năng hoàn thành tốt bài nghiên cứu nếu họ biết tận dụng tối đa thời gian của mình.

Thế mạnh về "sức trẻ" của SV cũng là yếu tố thuận lợi quan trọng cho NCKH. Có thể nói các điểm nổi trội của SV, của tuổi trẻ là tự tin, năng động, sáng tạo. SV luôn tìm kiếm hướng đi cho mình một cách riêng biệt, tích cực, không ngại thể hiện ý tưởng mới của mình. Sự sáng tạo giúp mở ra nhiều hướng nghiên cứu, vấn đề nghiên cứu mới mẻ. Đây là một đặc điểm rất cần thiết cho hoạt động NCKH. Tính năng động tạo điều kiện cho người nghiên cứu chủ động tìm tòi, học hỏi, và sự tự tin giúp họ đứng vững với lập trường, quan điểm của mình. Đây là những tố chất cần có ở một nhà NCKH chuyên nghiệp.

Với một lực lượng trẻ, đầy nhiệt huyết, dám nghĩ dám làm, có thời gian và trí tuệ sáng tạo không ngừng được phát triển dưới mái trường ĐH, hiện nay, tiềm năng NCKH của SV trong các trường ĐH Việt Nam là rất lớn và có thể khai thác một cách có hiệu quả trong thực tiễn.

**2.2. Những khó khăn của SV gặp phải khi tham gia NCKH.** Tuy có nhiều thuận lợi, nhưng NCKH của SV trong các trường ĐH Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế.

**2.2.1. Phần lớn SV còn để lãng phí thời gian và các nguồn lực khác:** Việc quản lý của gia đình và nhà trường bớt chặt chẽ đã mang lại cho SV sự chủ động, tích cực, nhưng cũng tạo điều kiện để SV lãng phí thời gian, tiền bạc, nguồn lực và cả sức khỏe của

minh. Một số SV mãi chơi, chưa chăm chỉ học tập. Một số khác tốn thời gian và các nguồn lực của mình cho các hoạt động bên ngoài như: hoạt động xã hội, tình nguyện, làm việc bán thời gian,... Những hoạt động này tuy có mang lại cho SV nhiều trải nghiệm; song, nếu quá mãi mê tham gia những hoạt động này thì việc học tập và nghiên cứu của họ cũng bị ảnh hưởng đáng kể.

Việc quản lý kém coi về thời gian, tiền bạc và các nguồn lực khác là những trở ngại lớn đối với hoạt động NCKH của SV vì hoạt động này đòi hỏi một sự đầu tư nghiêm túc, có kỉ luật và tinh kiên nhẫn cao.

**2.2.2. SV hiện nay còn thiếu các kiến thức và thông tin cần thiết phục vụ cho NCKH.** NCKH thực sự là còn mới mẻ, đặc biệt là SV năm thứ nhất do các em thiếu nhiều kiến thức cần thiết về chuyên ngành, cũng như phương pháp nghiên cứu để có thể thực hiện một đề tài khoa học. Môn *Phương pháp NCKH* thường được học ở năm thứ hai; do vậy, việc tiếp cận với NCKH của các em còn hạn chế. Ngoài ra, SV có nhiều quan niệm chưa đúng về NCKH như: NCKH rất khó, rất tốn thời gian, khô khan, không được lợi ích gì. Nhiều SV tham gia nghiên cứu chỉ vì được tính điểm rèn luyện vì có thể chưa có được thông tin đầy đủ về NCKH và những điều thú vị mà hoạt động này mang lại. Việc thiếu kiến thức và thông tin là một thách thức không nhỏ đối với các SV NCKH.

**2.2.3. Khả năng tự học tự nghiên cứu của SV chưa cao.** SV chưa có năng lực cũng như chưa nhận thức đầy đủ về sự cần thiết của tự học, tự nghiên cứu, trong khi đó, nhà trường lại chưa quan tâm đúng mức đến việc tổ chức các hoạt động này cho SV để nâng cao năng lực NCKH cho SV. SV còn ỷ lại không có phương pháp tự học, tự nghiên cứu cập nhật kiến thức, bổ sung kiến thức, tìm tòi tri thức mới. Đó là những hạn chế nhất định trong việc tự học, tự NCKH.

**2.2.4. Kỹ năng làm việc nhóm của SV chưa cao.** Một trong những khó khăn cần quan tâm của SV khi tham gia hoạt động NCKH là kỹ năng làm việc nhóm còn nhiều hạn chế. Nhận biết được những hạn chế về năng lực nghiên cứu và kiến thức chuyên ngành của SV, nhiều cuộc thi NCKH cho phép tham gia theo nhóm. Đã có nhiều nhóm nghiên cứu đã không đi đến được kết quả cuối cùng do mâu thuẫn nội bộ nhóm nghiên cứu về việc phân công công việc, vấn đề định hướng nghiên cứu, trách nhiệm, cách thức thực hiện,... Nguyên nhân là do SV chưa hình thành được ý thức hoạt động tập thể, mà đang có xu hướng tự cô lập mình với thế giới bên ngoài khi sự phát triển

mạng xã hội ngày càng trở nên phổ biến. Không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động NCKH trong nhà trường, việc thiếu kỹ năng làm việc nhóm còn tác động lâu dài đến thái độ sống và làm việc của họ sau này. Đây là một vấn đề cần được nhìn nhận nghiêm túc để tìm ra giải pháp phù hợp.

### **3. Nâng cao chất lượng NCKH của SV đối với hoạt động NCKH trong các trường ĐH**

**3.1. Cần hoàn thiện về kiến thức chuyên môn và phương pháp NCKH.** Với một môi trường học tập, nghiên cứu năng động, sáng tạo, SV cần phải đầu tư nhiều hơn cho công việc chính yếu mình là nghiên cứu và học tập. SV cần hoạch định rõ những loại kiến thức, kỹ năng mà mình cần có để có thể thành công trong quãng đường học tập ở trường thông qua việc tham khảo ý kiến của các anh chị đi trước hoặc các GV đang trực tiếp giảng dạy. Khi đã có định hướng cụ thể cần phải cố gắng tuân theo các bước mà mình đã đặt ra trong thời gian hợp lý nhất, quyết tâm thực hiện đến cùng. Có kiến thức, có phương pháp nghiên cứu sẽ giúp các SV cảm thấy NCKH không phải là một cái gì đó thật xa lạ mà là một điều rất thân quen và không kém phần hấp dẫn.

**3.2. SV cần linh động trong việc sắp xếp kế hoạch, thời gian.** Để quản lý tốt kế hoạch thời gian của mình trong NCKH, SV cần xác định những việc cần làm và phân loại theo mức độ cần thiết và quan trọng. Sau đó, đặt thứ tự ưu tiên cho những việc kèm theo thời hạn và phương pháp thực hiện, liệt kê càng cụ thể càng tốt.

SV nên để các khoảng trống nhỏ giữa các công việc liên kế như một bước “dự trữ”; tiếp theo, điều quan trọng hơn cả là phải kiên trì thực hiện các kế hoạch mình đã đề ra; sau cùng, khi đã hoàn tất một giai đoạn nào đó, thì việc suy ngẫm về hiệu quả công việc là cần thiết nhằm rút kinh nghiệm và chuẩn bị cho những lần lên kế hoạch kế tiếp.

**3.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nhóm đối với SV.** Thái độ hợp tác tương trợ nhau góp phần quan trọng trong thành công của hoạt động nhóm, dẫn đến thành công chung của công trình NCKH. Khi lựa chọn nhóm, cần lưu ý đến tính cách và quan điểm của các cá nhân tham gia sao cho mọi người có thể hiểu và làm việc cùng nhau. Bên cạnh đó, nhóm cần chọn ra một nhóm trưởng có tiếng nói và có thể đại diện nhóm giải quyết những công việc chung. Nhóm trưởng phải là người có tinh thần trách nhiệm cao và khả năng quản lý tốt. Nhóm trưởng phân công công việc hợp lý, đôn đốc việc hoàn tất công việc một cách khéo léo nhưng hiệu quả.

Thái độ và hành động của nhóm trưởng góp phần quyết định vào sự đoàn kết của nhóm. Vì vậy, việc lựa chọn nhóm trưởng cần phải được cân nhắc một cách kỹ lưỡng.

### **3.4. Sự phối hợp tạo điều kiện của khoa, nhà trường trong việc tổ chức SV tham gia NCKH.**

Hoạt động NCKH trong SV không chỉ có ý nghĩa đối với bản thân SV, mà còn đối với Khoa và Nhà trường. Vì vậy, Khoa và Nhà trường cần có chính sách hỗ trợ và khuyến khích đối với bản thân SV và GV trong hoạt động này. Việc quản lý quá trình hoạt động NCKH của SV có thể được giao phó cho một câu lạc bộ chuyên trách với sự tham gia của chính SV. Như vậy, SV mới thấy được mình cũng là một phần trong hoạt động học thuật chung của khoa và nhà trường.

### **3.5. Đổi mới hình thức tổ chức hoạt động NCKH cho SV các trường ĐH.**

Phương pháp hoạt động khoa học có hiệu quả cao và có tác dụng đẩy mạnh giao lưu nghiên cứu trong nội bộ trường và giữa các trường, khoa là tổ chức các hội thảo chuyên môn mini được tổ chức hàng tuần hay hàng tháng mở rộng cho nhiều thành phần (GV, SV, những người quan tâm). Nội dung nên là việc báo cáo các hướng nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, dự án nghiên cứu, hay trao đổi bình luận các bài báo khoa học mà báo cáo viên có thể là bất cứ ai. Chi phí tổ chức các buổi hội thảo hầu như không đáng kể vì diễn giả cũng chính là người tham dự và cả hai bên đều có nhu cầu chia sẻ thông tin. Các hội thảo này đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành các môi trường nghiên cứu, trao đổi chuyên môn; là cơ hội cho SV tích lũy kinh nghiệm và phương pháp nghiên cứu từ những người đi trước, cũng như tham gia vào các dự án nghiên cứu do GV thực hiện.

### **3.6. Nâng cao chất lượng dạy học môn Phương pháp NCKH trong các trường ĐH.**

Giảng dạy và NCKH là hai nhiệm vụ cơ bản của người GV. Hai nhiệm vụ này có quan hệ tương hỗ lẫn nhau và là hai yêu cầu của chức năng của nhà trường. Phải khẳng định rằng, chất lượng đào tạo luôn đi đôi và gắn liền với hoạt động NCKH. Thông qua hoạt động NCKH, GV không những tiếp thu được thông tin mới mà còn tiếp cận được với những phương pháp, tư duy mới. Từ đó, mới có thể chủ động sáng tạo, cải tiến và đổi mới nội dung cũng như phương pháp giảng dạy; kết hợp với hoạt động nghiên cứu cũng là một quá trình tự học hỏi, nâng cao kiến thức chuyên môn, chất lượng từng bài giảng, từng giờ học qua đó cũng được nâng cao; quá trình trao đổi và truyền đạt kiến thức mới từ người dạy đến người học chắc chắn sẽ đạt được hiệu quả và chất lượng cao hơn.

Trong nhà trường, Phương pháp NCKH là một môn học có vị trí quan trọng; trang bị cho SV có những tri thức, hiểu biết về khoa học, NCKH, giúp SV nắm được cách thức xây dựng đề cương và các phương pháp NCKH. Trên cơ sở giúp người học tiếp thu hệ thống tri thức của môn phương pháp NCKH, tạo cho SV kĩ năng cơ bản để xây dựng đề cương NCKH, tiến hành nghiên cứu cũng như có khả năng triển khai các nghiên cứu trong thực tiễn cuộc sống.

Tuy nhiên, trong thực tế giảng dạy và học tập môn học này trong các trường ĐH còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Với thời lượng dành cho môn học này của các nhà trường nói chung còn quá ít, trong khi nội dung môn học này lại rất nhiều nên dẫn đến tình trạng SV không có thời gian luyện tập để có thể hình thành kĩ năng NCKH.

#### 4. Kết luận

Hoạt động học tập của SV cũng giống với nhà khoa học ở sự nghiên cứu, tìm tòi, khám phá. Đặc biệt, NCKH giúp SV sớm tiếp cận với thực tiễn xã hội, hiểu biết về ngành nghề đào tạo của mình, hình thành và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi ghế nhà trường. Điều đó đặt ra cho các trường ĐH có vai trò và nhiệm vụ đào tạo ra những người cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có khả năng hoạt động sáng tạo, có phương pháp NCKH độc lập để tiếp tục đi sâu vào chuyên môn của mình, nâng cao tầm hiểu biết tiến kịp với sự tiến bộ của thời đại. Môi trường xã hội nói chung, tập thể, nhóm xã hội nói riêng vừa là phương tiện, vừa là điều kiện cho sự hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân SV. Mặt khác, học tập theo hình thức NCKH có ảnh hưởng rất to lớn đến sự phát triển nhân cách cá nhân, để SV tìm hiểu kiến thức nhanh hơn, ghi nhớ tốt hơn.

Chất lượng đào tạo luôn đi đôi và gắn liền với hoạt động NCKH của GV và SV. Qua việc hướng dẫn SV NCKH, GV tự hoàn thiện kiến thức nâng cao trình độ về phương pháp nghiên cứu cũng như kiến thức chuyên môn góp phần nâng cao năng lực của SV đáp ứng tốt nhu cầu của người học và của xã hội hiện nay. Kết hợp giảng dạy với hướng dẫn NCKH cho SV, GV hiểu gần bó SV, đó là quá trình trao đổi và truyền đạt kiến thức mới từ GV đến SV chắc chắn sẽ đạt được hiệu quả và chất lượng cao hơn.

Với ý nghĩa như vậy, việc nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của SV các trường ĐH là vô cùng cần thiết trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong chủ

trương đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ CNH, HĐH đất nước thời kì hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng Chính phủ. *Điều lệ trường đại học* (ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 12/10/2014).
- [2] Quốc hội. *Luật giáo dục đại học 2012*.
- [3] Vũ Cao Đàm (2011). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Bộ GD-ĐT. *Quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng* (ban hành kèm theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [5] Bộ GD-ĐT. *Quyết định số 08/2000/QĐ-BGDĐT ngày 30/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành quy chế về nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng*.
- [6] Bộ GD-ĐT. *Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 của Bộ GD-ĐT về việc ban hành Quy định về hoạt động khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học*.

## Giải pháp quản lí hoạt động...

(Tiếp theo trang 115)

giải pháp này sẽ góp phần khắc phục những hạn chế trong công tác quản lí hoạt động ĐTNV của HVHK Việt Nam hiện nay. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2016): *Các giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng dạy nghề, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động*. Hội thảo khoa học. Hà Nội.
- [2] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2004). *Xây dựng mô hình liên kết dạy nghề giữa nhà trường và doanh nghiệp*. Hội thảo khoa học. Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1997). *Văn kiện Hội nghị lần 2 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.